

**1109****Series**

Tải vừa

BÁNH XE LÙN (Trọng tâm thấp)

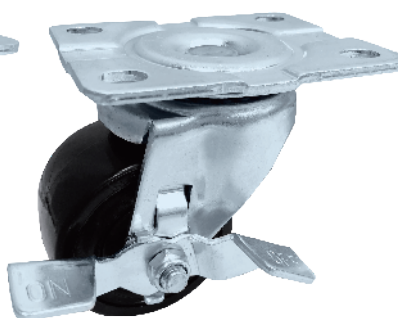
美國輪系列

- Sử dụng vật liệu Nylon chịu mài mòn cao, bánh xe có bề rộng lớn, là loại chịu tải nặng trong các loại bánh nhỏ. Thích hợp sử dụng cho những thiết bị máy móc ít di chuyển và yêu cầu tải trọng lớn. Ngoài ra còn có tấm lắp lớn và chân tăng chỉnh, giúp tăng khả năng chịu tải, đồng thời chân tăng chỉnh có thể điều chỉnh độ cao giúp thiết bị đứng vững vàng.

- 採用高耐磨尼龍製成，輪寬較大是小輪中負載高的系列，適合荷重高、移動較少的商業機械設備。其中大底板附支撐腳的款式，可增大荷重，其支撐腳可調整高度並可隨意穩固地停放台車。

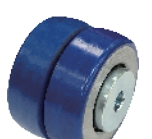


Tải trọng 載重
50 - 400 kg



» Đặc điểm 特色區

» Vật liệu bánh xe 輪子選項

Khóa bên
側剎Bánh Nylon
尼龍輪Bánh Phenolic
電木輪Bánh PP
塑料輪Ố bi
滾珠軸承Ố đũa
滾針軸承Chân tăng chỉnh
支撐腳Bánh ZQPU(bánh đôi)
ZQPU輪Bánh QPU
QPU輪Bánh King Kong
金鋼輪

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
2"x 1" 美國輪 2"x 1"	58 x 70 mm (2-1/4"x 2-3/4")	40 x 55 mm (1-9/16"x 2-3/16")	8 mm (5/16")
2"x1"-15/16" 美國輪 2"x1"-15/16"	65 x 95 mm (2-3/4"x 3-3/4")	45 x 75 mm (1-3/4"x 3")	8 mm (5/16")
2" x 1-15/16"(tấm lắp có chân tăng chỉnh) 2" x 1-15/16" 美國輪大底板	120 x 120 mm (4-23/32"x 4-23/32")	95 x 95 mm (3-3/4"x 3-3/4")	10 mm (3/8")
2-1/2"x 1-15/16" 美國輪 2-1/2"x 1-15/16"	65 x 95 mm (2-3/4"x 3-3/4")	45 x 75 mm (1-3/4"x 3")	8 mm (5/16")
2-1/2" x 1-15/16"(tấm lắp có chân tăng chỉnh) 2-1/2" x 1-15/16" 美國輪大底板	120 x 120 mm (4-23/32"x 4-23/32")	95 x 95 mm (3-3/4"x 3-3/4")	10 mm (3/8")
3" 美國輪 3"x1-15/16"	86 x 110 mm (3-3/8" x 4-5/16")	60 x 83 mm (2-3/8" x 3-1/4")	10 mm (3/8")
3" x 1-15/16"(tấm lắp có chân tăng chỉnh) 3" x 1-15/16" 美國輪大底板	120 x 120 mm (4-23/32"x 4-23/32")	95 x 95 mm (3-3/4"x 3-3/4")	10 mm (3/8")



» Quy cách trục ren 絲 扣 規 格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Đường kính ren X Độ dài trục ren 絲扣牙徑 X 長度	Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Đường kính ren X Độ dài trục ren 絲扣牙徑 X 長度
2"x3/4"	M10 x 19 (CN) *	2"x1"	M12 x 25 (TW) *
2-1/2" x 1-15/16" 3" x 1-3/4"	M12 x 25 mm (CN) **	2-1/2" x 1-15/16" 3" x 1-3/4"	1/2-13UNC x 25mm (CN) **
2-1/2" x 1-15/16" 3" x 1-3/4"	1/2-12UNC x 32mm (TW) **	2-1/2"x1-15/16" 3" x 1-3/4"	5/8-11UNC x 25mm (TW) **

* Trục ren đầu lục giác (絲扣底部六角台階)

** Trục ren đầu tròn (絲扣底部圓頭台階)

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 制車			
50mm x 25mm (2" x 1")	70 kgs (150 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1109-02-07-1	1109-02-07-2	1109-02-07-4	Ổ trục/ Ổng bạc 中管	70mm (2-3/4")	Xoay 47.5mm Khóa 54mm 活動 47.5mm 煞車 54mm
	50 kgs (110 lbs)	Bánh PP 塑料輪	—	1109-02-29-2	1109-02-29-4			
50mm x 45mm (2 x 1-3/4")	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1109-02-80-1	1109-02-80-1	—	Ổ bi 滾珠軸承	73mm (2-7/8")	Xoay 44mm 活動 44mm
	300 kgs (660 lbs)	Bánh ZQPU(bánh đôi) ZQPU輪	1109-02-101-1	1109-02-101-2	—			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1109-02-07-1	1109-02-07-2	—	Ổ trục/Ổng bạc 中管		
	250 kgs (550 lbs)	Bánh King Kong 金鋼輪	1109-02-100-1	1109-02-100-2	—			
62.5mm x 45mm (2-1/2" x 1-3/4")	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1109-25-80-1	1109-25-80-2	1109-25-80-4	Ổ bi 滾珠軸承	91mm (3-3/5")	Xoay 60.5mm Khóa 65.5mm 活動60.5mm 煞車65.5mm
	300 kgs (660 lbs)	Bánh ZQPU(bánh đôi) ZQPU輪	1109-25-101-1	1109-25-101-2	1109-25-101-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1109-25-07-1	1109-25-07-2	1109-25-07-4			
	140 kgs (305 lbs)	Bánh PP 塑料輪	1109-25-29-1	1109-25-29-2	1109-25-29-4	Ổ trục/Ổng bạc 中管		
	350 kgs (770 lbs)	Bánh King Kong 金鋼輪	1109-25-100-1	1109-25-100-2	1109-25-100-4			
75mm x 45mm (3" x 1-3/4")	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1109-03-80-1	1109-03-80-2	1109-03-80-4	Ổ bi 滾珠軸承	102.5mm (4-1/25")	Xoay 68.4mm Khóa 68.4mm 活動68.4mm 煞車68.4mm
	300 kgs (660 lbs)	Bánh ZQPU(bánh đôi) ZQPU輪	1109-03-101-1	1109-03-101-2	1109-03-101-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1109-03-07-1	1109-03-07-2	1109-03-07-4	Ổ trục/Ổng bạc 中管		
	185 kgs (405 lbs)	Bánh PP 塑料輪	1109-03-29-1	1109-03-29-2	1109-03-29-4			
	225 kgs (500 lbs)	Bánh Phenolic 電木輪	1109-03-25-1	1109-03-25-2	1109-03-25-4	Ổ đĩa 滾針		
	400 kgs (880 lbs)	Bánh King Kong 金鋼輪	1109-03-100-1	1109-03-100-2	1109-03-100-4	Ổ bi 滾珠軸承 Ổng trục/Ổng bạc 中管		